TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2018/LĐ-PT**
Ngày: **27 - 4- 2018**
V/v Tranh chấp quyết định sa thải.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Hoa**

Các Thẩm phán: Ông **Hoàng Đình Toàn**

Ông **Lương Văn Cường**

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thuý Loan - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Dư - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, Toà án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/TLPT-LĐ ngày 29 tháng 01 năm 2018 về Tranh chấp quyết định sa thải

Do Bản án Lao động sơ thẩm số: 01/2017/LĐ-ST ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2018/QĐ-PT ngày 29 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đàm Thị N; địa chỉ: thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp B; địa chỉ: thôn N, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hải Đ – Chức vụ: Tổng giám đốc Công ty. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bảo hiểm xã hội B; địa chỉ: tổ 9, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn

Người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội B: Bà Lê Thị T - Chức vụ: Trưởng phòng Chế độ BHXH, Bảo hiểm xã hội B (Theo Giấy uỷ quyền số 306/GUQ-BHXH, ngày 20/6/2017 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội B). Có mặt

3.2. Lâm trường C; địa chỉ: thị trấn C, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện hợp pháp của Lâm trường C: Ông Triệu Quang T – Chức vụ: Giám đốc lâm trường C. Vắng mặt

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Đàm Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn Đàm Thị N trình bày:

Bà N làm công nhân Lâm trường P - Bắc Thái (cũ) từ tháng 8/1975 đến tháng 8/1985. Từ tháng 8/1985 đến tháng 7/1991 bà làm công nhân Lâm trường P, tỉnh Bắc Thái (Nay là lâm trường C, tỉnh Bắc Kạn). Trong quá trình công tác bà luôn hoàn thành tốt mọi công việc tổ, đội giao. Năm 1991 Lâm trường C làm thủ tục cho bà về nghỉ chế độ mất sức, qua giám định sức khoẻ, bà vẫn còn sức khoẻ hạng "C" theo kết luận của Hội đồng y khoa thì bà tiếp tục đi làm. Tháng 01/1991 bà nghỉ thai sản sinh con thứ hai, Lâm trường C không có lương trả cho bà theo chế độ nghỉ thai sản, cùng lúc Nhà nước đang thời kỳ chuyển đổi cơ chế, không còn bao cấp nữa, bản thân bà gặp nhiều khó khăn. Sau khi nghỉ chế độ thai sản, tháng 7 năm 1991 bà đã cầm đơn xin thôi việc đến Phòng Tổ chức cán bộ thuộc Lâm trường C gặp ông Đàm Vũ N, ông N nói với bà là nếu bà khó khăn quá cứ về nghỉ, sau ông N sẽ có trách nhiệm xem xét, giải quyết chế độ cho bà. Do đó, bà đã nghỉ liên tục từ đó đến năm 2012.

Ngày 27/7/2012 bà đến Lâm trường C đề nghị Giám đốc Công ty tìm lại hồ sơ và các giấy tờ liên quan để giải quyết chế độ cho bà, thì các giấy tờ đều đủ, chỉ thiếu giấy xin nghỉ việc và không có Quyết định nghỉ việc.

Ngày 10/6/2014, bà làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Kạn và các cơ quan chức năng đề nghị xem xét, giải quyết chế độ cho bà, thì lúc này Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp B mới đưa ra Quyết định số 194/TC-QĐ ngày 10/8/1993 của Giám đốc Lâm trường P (nay là Lâm trường C thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp B) xoá tên bà khỏi danh sách công nhân của Lâm trường.

Nay bà khởi kiện, yêu cầu Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp B phải có trách nhiệm trả tiền trợ cấp thôi việc và phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội B làm chế độ tiền lương, bảo hiểm xã hội cho bà theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, đại diện bị đơn là ông Nguyễn Hải Đ - Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp B trình bày:

Theo hồ sơ còn lưu trữ thì năm 1991 bà Đàm Thị N được Giám đốc Lâm trường giới thiệu đi giám định sức khoẻ để nghỉ chế độ mất sức. Đến ngày 30/8/1991 có kết luận của Hội đồng giám định y khoa thì bà N vẫn đủ sức khoẻ để tiếp tục công tác, nhưng bà N không quay lại cơ quan để làm việc. Đến tháng 8/1993, Giám đốc Lâm trường P có Quyết định số 194/TC-QĐ ngày 10/8/1993 xoá tên bà N khỏi danh sách cán bộ, nhân viên của đơn vị.

Năm 2001 Công ty Lâm nghiệp B (tiền thân là Công ty nguyên liệu giấy S) được thành lập trên cơ sở xáp nhập 06 lâm trường quốc doanh trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Kạn (trong đó có Lâm trường C). Trong quá trình bàn giao giữa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Kạn và Công ty Lâm nghiệp B (đổi tên thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp B từ tháng 3/2010) không có tên bà Đàm Thị N trong danh sách bàn giao cán bộ công nhân viên của Lâm trường C đề nghị giải quyết chế độ trước năm 1995.

Đối với yêu cầu của bà Đàm Thị N, đại diện bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu với lý do:

Thứ nhất: bà Đàm Thị N vi phạm kỷ luật lao động, tự ý bỏ việc hơn hai năm nên không được hưởng chế độ trợ cấp thôi việc

Thứ hai: Trong quá trình bàn giao hồ sơ giữa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Kạn và Công ty Lâm nghiệp B cũng không có tên bà N trong danh sách người lao động thôi việc trước năm 1995 của Lâm trường C nên Công ty Lâm nghiệp B không chịu trách nhiệm giải quyết chế độ cho bà N. Quyết định 194/TC-QĐ ngày 10/8/1993 là đúng trình tự, quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết, đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội B trình bày: Theo khoản 6 Điều 123 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, Thông tư số 13/NV ngày 04/9/1972 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về cách tính thời gian công tác, quy định người lao động có thời gian công tác trong khu vực nhà nước mà tự ý bỏ việc thì thời gian công tác trước đó không được tính là thời gian công tác để tính hưởng chế độ bảo hiểm xã hội. Trường hợp bà N đã có Quyết định 194 ngày 10/8/1993 của Lâm trường P xoá tên trong danh sách công nhân viên trong đó có nêu bà N đã "*bỏ*

việc từ năm 1991 đến nay không làm việc, không có lý do". Như vậy, thời gian công tác trước đó của bà N không được tính là thời gian đóng bảo hiểm xã hội để tính hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

Tại Văn bản số 17/CV-LT ngày 02/6/2017 của Lâm trường C có ý kiến: Lâm trường C là Chi nhánh trực thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp B, toàn bộ hồ sơ của bà Đàm Thị N Lâm trường đã chuyển về Công ty, do vậy, Lâm trường C không cử người tham gia tố tụng.

Người làm chứng ông Đàm Vũ N trình bày: Ông nguyên là Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính của Lâm trường P từ năm 1991 đến năm 2005. Ông không trực tiếp làm công tác tổ chức mà giao cho ông L– Phó phòng trực tiếp làm công tác chế độ, tiền lương cho công nhân. Ông không biết bà N nộp đơn xin thôi việc vào năm 1991, ông không phải là người trực tiếp nhận đơn, bà N cho rằng nộp đơn cho ông là không đúng. Quyết định xoá tên đối với bà N không phải là quyết định kỷ luật buộc thôi việc, vì mục đích xoá tên bà N là để giảm danh sách của công nhân Lâm trường, không để ảnh hưởng kế hoạch sản xuất hàng năm của cấp trên giao, không phải đóng bảo hiểm cho công nhân. Quyết định xoá tên của bà N là đúng quy định của pháp luật, bà N yêu cầu thanh toán chế độ bảo hiểm, chế độ lương, chế độ trợ cấp thôi việc là không đúng vì người lao động đã tự ý bỏ quyền lợi của mình.

Người làm chứng ông Ma Phúc T trình bày: Ông nguyên là Giám đốc lâm trường P. Kết luận giám định khẳng định sức khoẻ của bà N vẫn đủ để làm việc nhưng bà N đã tự ý bỏ việc chưa được sự đồng ý của Lâm trường. Khi ban hành quyết định xóa tên, ông có hỏi ý kiến của Công đoàn, có mặt bà P, ông N và một số người khác nữa. Quyết định xoá tên không phải là quyết định kỷ luật buộc thôi việc mà xoá tên để đơn vị không phải đóng bảo hiểm cho bà N nữa.

Người làm chứng là bà Hà Thị P trình bày: Bà nguyên là Đội trưởng Đội trồng rừng Y thuộc Lâm trường P. Theo quy định thì người lao động phải có đơn xin thôi việc có xác nhận của Đội để gửi Lâm trường, nhưng bà N không có đơn xin thôi việc gửi cho Đội mà chỉ xin đi giám định sức khoẻ, sau đó bỏ việc luôn, không trở lại đội nữa. Việc bà N không trở lại làm việc, Đội có báo cáo hàng tháng cho Phòng Tổ chức của Lâm trường vì liên quan đến sản phẩm của Đội. Quyết định xoá tên không phải là quyết định kỷ luật người lao động, quyết định này được gửi về Đội nhưng Đội không được giao quyết định cho bà N.

Bản án số 01/2017/LĐ-ST ngày 20/12/2017 của Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn căn cứ Điều 32, 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 200 của Bộ luật lao động. Quyết định:

Bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà Đàm Thị N yêu cầu Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp B phải có trách nhiệm trả tiền trợ cấp thôi việc, làm chế độ tiền lương, bảo hiểm xã hội cho bà N.

Ngoài ra án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/01/2018 bà Đàm Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu được hưởng quyền lợi và chế độ tiền lương, bảo hiểm xã hội.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn có ý kiến: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu trả trợ cấp thôi việc, được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội tính lương hàng tháng do Quyết định 194/TC-QĐ ngày 10/8/1993 của Giám đốc Lâm trường P là không đúng, bà không được biết. Bà có đơn xin nghỉ việc ngày 01/7/1991.

Bị đơn có ý kiến: Giữ nguyên ý kiến không chấp nhận yêu cầu nào của nguyên đơn bà Đàm Thị N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến: Bảo hiểm xã hội B - người đại diện hợp pháp không chấp nhận yêu cầu của bà Đàm Thị N, do bà N đã tự ý nghỉ việc.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án phúc thẩm đến trước khi nghị án và của người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ và các quy định của pháp luật, thấy án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đàm Thị N là có căn cứ. Kháng cáo của bà Đàm Thị N không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Điều 84 Bộ luật Dân sự 2015 quy định "*1. Chi nhánh, văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của pháp nhân, không phải là pháp nhân".* Lâm trường C là Chi nhánh trực thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp B, không có tư cách pháp nhân. Do vậy, Bản án sơ thẩm xác định Lâm trường C tham gia tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không phù hợp với khoản 7 Điều 69 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Điều 86 Bộ luật Dân sự 2015. Nhưng

cấp sơ thẩm đã xác định Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp B là đương sự trong vụ án nên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, cần rút kinh nghiệm vì Chi nhánh, Văn phòng không phải là pháp nhân, không đủ điều kiện tham gia tố tụng với tư cách là đương sự.

[2] Xét kháng cáo của Nguyên đơn Đàm Thị N yêu cầu Bị đơn là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp B trả tiền trợ cấp thôi việc và phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội B làm chế độ tiền lương, bảo hiểm xã hội cho bà, thấy:

[3] Bà Đàm Thị N làm công nhân Lâm trường P - Bắc Thái (cũ) từ tháng 8/1975 đến tháng 8/1985. Từ tháng 8/1985 đến tháng 7/1991 bà làm công nhân Lâm trường P, tỉnh Bắc Thái (Nay là lâm trường C, tỉnh Bắc Kạn). Bà Đàm Thị N được Giám đốc Lâm trường giới thiệu đi giám định sức khoẻ để nghỉ chế độ mất sức. Tại Văn bản số 68/GĐYKMS của Hội đồng giám định y khoa ngày 30/8/1991 quyết định " *Khả năng lao động của bà Đàm Thị N thuộc hạng C theo tiêu chuẩn phân hạng mất sức lao động ban hành tại Thông tu 32-TT ngày 23/8/1976. Đề nghị: tiếp tục công tác*" . Tuy nhiên, bà N không quay lại cơ quan để làm việc. Bà cho rằng bà có đơn xin thôi việc ngày 01/7/1991, nhưng trong Hồ sơ lưu trữ không có tài liệu là đơn xin thôi việc của bà. Bà trình bày đã cầm đơn đến phòng Tổ chức Lâm trường C, ông Đàm Vũ N nói sẽ có trách nhiệm giải quyết về cho bà. Nhưng, ông Đàm Vũ N khẳng định Ông không biết bà N nộp đơn xin thôi việc vào năm 1991, ông không phải là người trực tiếp nhận đơn, bà N cho rằng nộp đơn cho ông là không đúng. Bà Hà Thị P - nguyên là Đội trưởng Đội trồng rừng Y thuộc Lâm trường P trình bày: Theo quy định thì người lao động phải có đơn xin thôi việc có xác nhận của Đội để gửi Lâm trường, nhưng bà N không có đơn xin thôi việc gửi cho Đội mà chỉ xin đi giám định sức khoẻ, sau đó bỏ việc luôn, không trở lại đội nữa. Ông Ma Phúc T - nguyên là Giám đốc lâm trường P cũng trình bày "*Bà N đã tự ý bỏ việc chưa được sự đồng ý của Lâm trường. Khi ban hành Quyết định 194 ngày 10/8/1993 xóa tên bà N, ông có hỏi ý kiến của Công đoàn, có mặt bà P, ông N và một số người khác nữa. Quyết định xoá tên không phải là quyết định kỷ luật buộc thôi việc mà xoá tên để đơn vị không phải đóng bảo hiểm cho bà N nữa".* Quyết định 194 ngày 10/8/1993 của Lâm trường P có nội dung: Bà N "*bỏ việc từ năm 1991 đến nay không làm việc, không có lý do".* Lời khai của bà N có đơn xin thôi việc ngày 01/7/1991 là mâu thuẫn với Biên bản giám định khả năng lao động số 68 ngày 30/8/1991, có nội dung: "*Theo đề nghị tại công văn, giấy giới thiệu số 104 ngày 24/7/1991".* Tại phiên toà bà cung cấp giấy viết tay đề ngày 01/7/1991 có chữ ký xác nhận Vũ Đức H ngày 19/10/2012 và bà cũng xác định giấy này viết vào năm 2012, không phải đơn xin thôi việc. Người ký tên xác nhận Vũ Đức H tại phiên toà xác định được là người cùng bị xoá tên trong Quyết định 194/TC-QĐ ngày 10/8/1993 của Lâm trường P. Từ các căn cứ trên

xét thấy không có căn cứ xác định bà N có đơn xin thôi việc ngày 01/7/1991 mà có căn cứ xác định bà Đàm Thị N đã tự ý nghỉ việc, không có lý do từ sau khi có Văn bản số 68/GĐYKMS của Hội đồng giám định y khoa ngày 30/8/1991.

[4] Quyết định 194/TC-QĐ ngày 10/8/1993 của Lâm trường P có chữ ký của Giám đốc Ma Phúc T, có đóng dấu. Những người làm chứng là ông Ma Phúc T, ông Đàm Vũ N, bà Hà Thị P xác định quyết định 194 ngày 10/8/1993 không phải là quyết định kỷ luật buộc thôi việc mà chỉ xoá tên để đơn vị không phải đóng bảo hiểm cho bà N nữa. Như vậy, đủ căn cứ xác định Quyết định 194/TC-QĐ ngày 10/8/1993 của Lâm trường P không phải là giả mạo như ý kiến bà Đàm Thị N.

[5] Văn bản số 934/LĐTBH-QLLĐVL ngày 13/7/2017 của Sở Lao động Thương Binh và Xã hội tỉnh Bắc Kạn xác định, Theo Nghị định 195-CP ngày 31/12/1964 của Hội đồng Chính phủ ban hành Điều lệ về kỷ luật lao động trong các xí nghiệp cơ quan nhà nước thì không có hình thức kỷ luật "Xoá tên trong danh sách công nhân viên". Những người làm chứng là ông Ma Phúc T, ông Đàm Vũ N, bà Hà Thị P xác định Quyết định 194 ngày 10/8/1993 không phải là quyết định kỷ luật buộc thôi việc mà chỉ xoá tên để đơn vị không phải đóng bảo hiểm cho bà N nữa. Xét thấy có căn cứ xác định Quyết định 194 ngày 10/8/1993 của Lâm trường P không phải là quyết định kỷ luật, mà bà N đã tự ý nghỉ việc từ năm 1991 đến năm 2012 mới trở lại Lâm trường C tìm hồ sơ yêu cầu giải quyết chế độ. Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án, xét thấy bản án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp Quyết định sa thải là chưa chính xác, mà là tranh chấp trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động theo điểm b khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, việc xác định quan hệ tranh chấp chưa chính xác không làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, nhưng cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm.

[6] Theo Điều 38 Điều lệ Xí nghiệp Quốc doanh kèm theo Nghị định số 50-HĐBT ngày 22/3/1988 quy định "*Người lao động có quyền yêu cầu chuyển công tác và thôi việc vì lý do chính đáng. Khi …yêu cầu thôi việc, các bên phải báo trước theo thời gian quy định".* Như vậy, việc bà N thôi việc, không có lý do, không báo trước là không phù hợp với quy định tại Điều 38 nêu trên.

[7] Theo quy định tại mục 5, phần III Thông tư số 21/TĐTBXH-TT ngày 12/10/1996 của Bộ Lao động Thương binh và xã hội, khoản 1 Điều 1 Nghị định 198/CP ngày 31/12/1994 của Chính phủ và khoản 2 Điều 41 Bộ luật lao động 1994 thì trường hợp người lao động là công nhân viên chức trong doanh nghiệp nhà nước chưa chuyển sang ký hợp đồng lao động, khi thôi việc do lỗi của người lao động (thôi việc không có lý do, không báo trước) thì không được trợ cấp thôi việc.

[8] Theo Khoản 6 Điều 123 Luật Bảo hiểm xã hội và đối chiếu mục II, khoản 12 tiết c Thông tư số 13/NV ngày 04/9/1972 của Bộ Nội vụ, trường hợp không do yêu cầu của tổ chức mà công nhân, viên chức tự ý xin thôi việc thì thời gian công tác trước khi nghỉ việc không được tính hưởng bảo hiểm xã hội. Đối chiếu với quy định nêu trên thì trường hợp bà Đàm Thị N tự ý nghỉ việc năm 1991, không được sự đồng ý của tổ chức thì thời gian công tác trước đó không được tính là thời gian công tác để tính hưởng chế độ BHXH.

[9] Từ các căn cứ nêu trên, xét thấy bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N là phù hợp với quy định của pháp luật. Bà N kháng cáo yêu cầu Bị đơn trả tiền trợ cấp thôi việc, làm chế độ tiền lương, bảo hiểm xã hội cho bà là không có căn cứ chấp nhận. Cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát, bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 12; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Bà Đàm Thị N được miễn nộp tiền án phí lao động phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 200 Bộ luật Lao động; điểm a khoản 1 Điều 12; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đàm Thị N về việc yêu cầu Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp B trả trợ cấp thôi việc, phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội làm chế độ tiền lương, bảo hiểm xã hội.

2. Giữ nguyên Bản án Lao động sơ thẩm số: 01/2017/LĐ-ST ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn

3. Về án phí: Bà Đàm Thị N được miễn nộp tiền án phí lao động phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố B;
- VKSND tỉnh BK;
- THADS tp B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Phòng KTNV TATBK;
- Lưu: VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Ngọc Hoa